TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 518/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11- 2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Ông Nguyễn Văn Quỹ

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà***: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 233 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: Số nhà 11/49 đường L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

**** Bị đơn:*** Anh Trần Đ H, sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 233 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: Số nhà 11/49 đường L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị Nguyễn Hồng Đ có mặt, anh Trần Đ H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 04-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N ngày 06-12-2005. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu một thời gian ngắn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau về quan điểm và lối sống, anh H ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Gia đình đã nhiều lần phải trả nợ cho anh H nhưng anh H không sửa chữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung Trần Nguyễn P L (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-10-2006 và Trần T G (giới tính: Nam), sinh ngày 17-11-2011. Hiện tại hai con đang ở với anh H. Nếu ly hôn chị xin nuôi con lớn Trần Nguyễn P L, anh H nuôi con nhỏ Trần T G. Hiện nay chị làm công tác điều dưỡng tại khoa Răng Hàm Mặt - Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định thu nhập khoảng 7.000.000 (bảy triệu) đồng/tháng, hơn nữa cháu P L là con gái đang đến tuổi dậy thì nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh H hiện cũng đang làm ở bệnh viện nên phải đi trực đêm vì vậy việc chăm sóc hai con sẽ rất khó khăn. Hiện tại chị đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị nhưng sau khi ly hôn chị sẽ ra ở riêng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 23-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Đ H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Hồng Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung Trần Nguyễn P L (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-10-2006 và Trần T G (giới tính: Nam), sinh ngày 17-11-2011. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cả hai con. Hiện tại anh đang làm điều dưỡng tại khoa Thần Kinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh N với mức thu nhập khoảng 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng. Anh có thời gian và điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị Đ. Nếu anh nuôi con chị Đ có mọi quyền lợi đối với con, có thể thăm hỏi, chăm sóc con bất cứ lúc nào. Anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Anh thừa nhận không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét chị Đ và anh H cùng có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên chị Đ và anh H đều có điều kiện như nhau, đều có công việc và thu nhập ổn định, xét cháu Phương Linh là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao cháu Phương Linh cho chị Đ nuôi dưỡng, giao cháu Trường Giang cho anh H nuôi dưỡng. Hai bên không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tài sản chung và công nợ chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Đ H là bị đơn đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 BLTTDS vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng Đ và anh Trần Đ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N năm 2005 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Đ và anh H sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh H cũng nhất trí. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Chị Đ có nguyện vọng được nuôi con lớn còn anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con sau khi vợ chồng ly hôn. Xét công việc, thu

nhập và thời gian làm việc của hai bên là như nhau nên điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung là như nhau. Hơn nữa, cháu P L là con gái đang đến tuổi dậy thì nên cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu P L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con Trần Nguyễn P L (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-10-2006 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trần T G (giới tính: Nam), sinh ngày 17-11-2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4].Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đ và anh H xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đ là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên**,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng Đ và anh Trần Đ H.

2. Về con chung: Giao con Trần Nguyễn P L (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-10-2006 cho chị Nguyễn Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Trần T G (giới tính: Nam), sinh ngày 17-11-2011 cho anh Trần Đ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Nguyễn Hồng Đ đã nộp tại biên lai số 0000565 ngày 04-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Chị Nguyễn Hồng Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Đ H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- UBND phường V
- UBND phường L
- VKSND thành phố N
- THA Dân sự thành phố N
- TAND tỉnh Nam Định
- VKSND tỉnh Nam Định
- Hồ sơ vụ án
- Lưu VP

Tống Thị Kim Phượng